

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2734 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2019

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
SUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**CÔNG VĂN ĐẾN**

Số:.....26.....

Ngày: 4 tháng 1 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được bổ sung trong lĩnh vực hàng hải thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/01/2019.

14/09/2019  
04/11/19

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./vvp

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Các Cảng vụ hàng hải;
- Cơ quan quản lý ĐTNĐ khu vực;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Văn Công**

## PHỤ LỤC I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BỔ SUNG TRONG LĨNH  
VỰC HÀNG HẢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA  
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2734/QĐ-BGTVT  
ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bổ sung thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính trung ương, địa phương giải quyết</b>					
1		Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa	Nghị định số 159/2018/NĐ-CP	Hàng hải	Cảng vụ Hàng hải khu vực; Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực
<b>B. Thủ tục hành chính địa phương giải quyết</b>					
1		Chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa	Nghị định số 159/2018/NĐ-CP	Hàng hải	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương





**PHỤ LỤC II**  
**PHƯƠNG ÁN TTHC TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI**  
**CÔNG BỐ BỔ SUNG**

*(Kèm theo Quyết định số 2734/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 12 năm 2018  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**A. Thủ tục hành chính trung ương, địa phương giải quyết**

**1. Phê duyệt Phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:**

Trước khi tiến hành hoạt động nạo vét, chủ đầu tư, nhà đầu tư phải xây dựng phương án bảo đảm an toàn giao thông trình Cảng vụ Hàng hải khu vực để phê duyệt phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển; Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực (bao gồm: Chi cục đường thủy nội địa, Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cảng vụ đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải hoặc Sở Giao thông vận tải nơi không tổ chức Cảng vụ đường thủy nội địa địa phương) để phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa (sau đây gọi là cơ quan có thẩm quyền).

**b) Giải quyết TTHC:**

Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; nếu hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến phải có văn bản phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông và gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho chủ đầu tư, nhà đầu tư; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị phê duyệt phương án bảo đảm an toàn giao thông;
- Bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình;
- Bản sao quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình;
- Bản sao bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể của công trình;
- Bản chính phương án bảo đảm an toàn giao thông.

**b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**1.4. Thời hạn giải quyết:** Nếu hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xin ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan; chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ ý kiến

phải có văn bản phê duyệt phương án đảm bảo an toàn giao thông và gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính cho chủ đầu tư, nhà đầu tư; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Cảng vụ Hàng hải khu vực; Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực;

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ Hàng hải khu vực; Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực;

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản phê duyệt.

**1.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

## **B. Thủ tục hành chính địa phương giải quyết**

### **1. Chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét trên bờ đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa**

#### **1.1. Trình tự thực hiện:**

##### **a) Nộp hồ sơ TTHC:**

- Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư gửi văn bản đề nghị đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) để được bố trí và chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét cho công trình.

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa công bố hoặc không bố trí được vị trí đổ chất nạo vét, các chủ đầu tư, nhà đầu tư sẽ chủ động tìm kiếm vị trí đổ chất nạo vét và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để được chấp thuận, làm cơ sở triển khai thực hiện.

##### **b) Giải quyết TTHC:**

Trong thời gian 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc bố trí vị trí đổ chất nạo vét phù hợp cho công trình; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

#### **1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **a) Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị.

##### **b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**1.4. Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian 15 ngày làm việc.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

#### **1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Không có.

**1.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận.

**1.8. Phí, lệ phí:** Không có.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:** Không có.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

#### **1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

